

Số: /BC-QT

Buôn Hồ, ngày tháng 9 năm 2025

**CÔNG KHAI**  
**TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG,**  
**PHƯỜNG BUÔN HỒ - TỈNH ĐẮK LẮK**  
**NĂM HỌC 2025 – 2026**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy chế công khai ban hành kèm theo Quyết định số 27b/QĐ-QT ngày 15/9/2025 của trường tiểu học Quang Trung về việc ban hành Quy chế công khai;

Căn cứ Kế hoạch số: 15a ngày 09/9/2025 của trường tiểu học Quang Trung về việc thực hiện Quy chế công khai ban hành kèm theo Quyết định số 26a/QĐ-QT ngày 05/9/2025 của trường tiểu học Quang Trung.

**NỘI DUNG CÔNG KHAI**

**Mục 1:**

**CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC**

**Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục** (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

**1. Tên cơ sở giáo dục:** TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** số 106 Nguyễn Tất Thành - phường Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk.

- Điện thoại: 0945892123

- Địa chỉ cổng thông tin điện tử: **quangtrung.buonho.edu.vn**

**3. Loại hình của cơ sở giáo dục:** công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND phường Buôn Hồ.

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường được xác định tại kế hoạch chiến lược phát triển của trường tiểu học Quang Trung giao đoạn 2025-2030 tầm nhìn 2045. Cụ thể:

4.1. Về sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

4.2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục cấp tiểu học của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Mục tiêu: Giúp HS hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để góp phần hình thành nhân cách cho các em.

## **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:**

Trường tiểu học Quang Trung được thành lập vào năm 1994, trên cơ sở được tách ra từ trường Tiểu học Kim Đồng, có tên gọi là trường tiểu học Quang Trung . Năm 2004, theo Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 28/7/2004, của UBND huyện Krông Buk, trường được đổi tên thành trường tiểu học Quang Trung thuộc huyện Krông Buk – tỉnh Đắk Lắk quản lý. Năm 2004, trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 và công nhận lại vào tháng 12 năm 2018. Năm 2009, trường được thành lập lại theo Quyết định số 94 /QĐ-UBND ngày 19/5/2009 của UBND thị xã Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên hiện trạng về cơ sở vật chất, địa điểm, tên gọi của trường và thuộc UBND thị xã Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk quản lý.

## **6. Thông tin người đại diện pháp: HỒ SĨ QUÝ**

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0945892123
- Địa chỉ thư điện tử: quyhosi@gmail.com

## **7. Tổ chức bộ máy:**

a) Quyết định thành lập: số 93/QĐ-UBND ngày 19/5/2009 của UBND thị xã Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk (kèm theo).

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Hồ Sĩ Quý - Quyết định số 692 ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Buôn Hồ về việc bổ nhiệm viên chức quản lý giữ chức vụ Hiệu trưởng trường tiểu học Quang Trung, nhiệm kỳ 5 năm từ 01 tháng 12 năm 2023;

- Phó Hiệu trưởng: Võ Thị Minh Tâm - Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND phường Buôn Hồ về việc bổ nhiệm viên chức quản lý giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường TH Quang Trung 01/12/2024;

- Phó Hiệu trưởng: Bùi Thị Đậu - Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND phường Buôn Hồ về việc bổ nhiệm viên chức quản lý giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường TH Quang Trung 01/12/2022).

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục (văn bản kèm theo); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

**\* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:** Điều 3, Điều lệ trường tiểu học:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

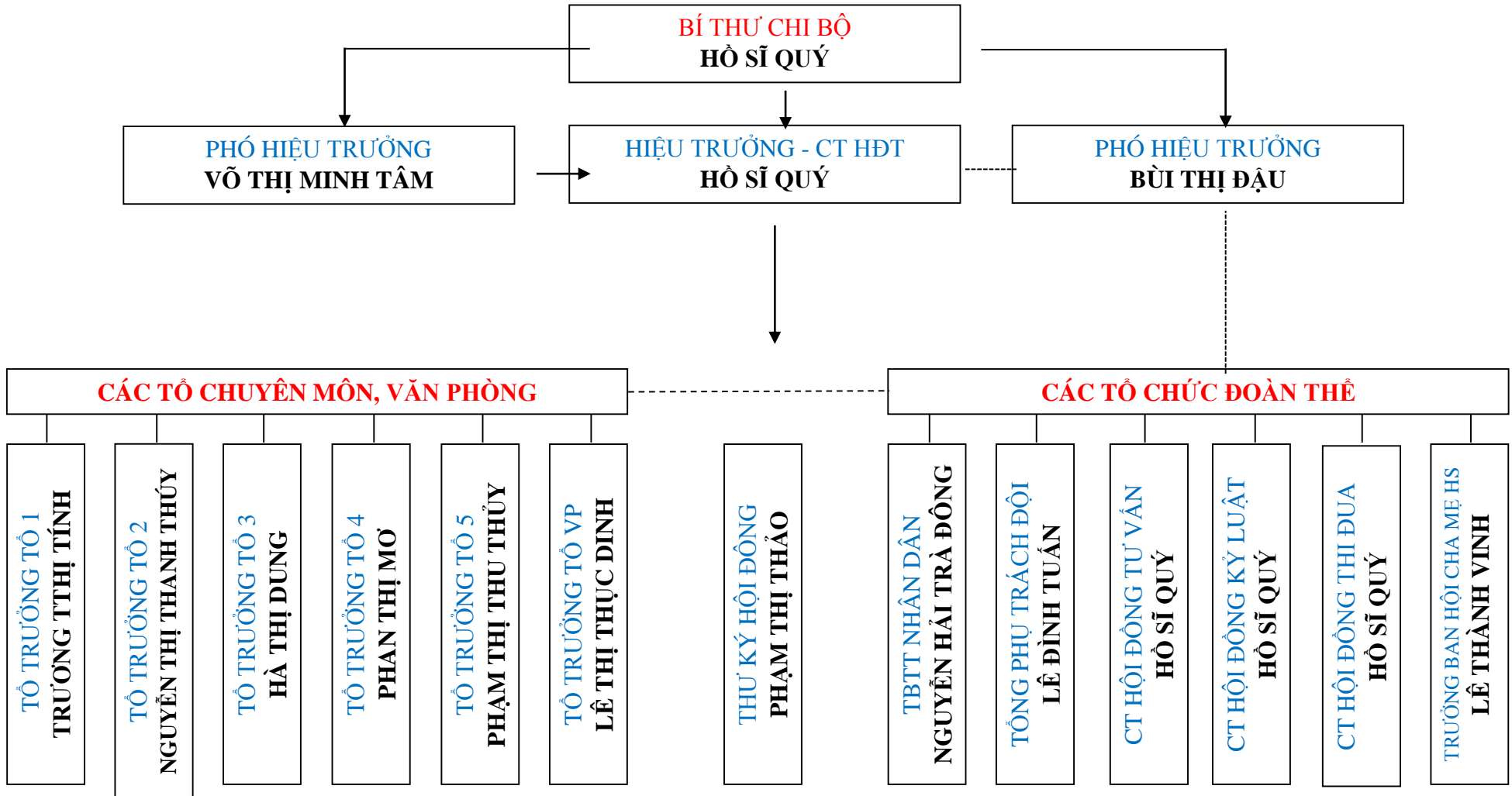
- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**\* Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ TRƯỜNG  
NĂM HỌC 2025-2026**



**Ghi chú:** - - - - - : Phối hợp; —> : chỉ đạo

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số ĐT	Gmail
1	Hồ Sĩ Quý	Hiệu trưởng	0945892123	quyhosi@gmail.com
2	Võ Thị Minh Tâm	P. Hiệu trưởng	0943089828	<a href="mailto:vthminhtam@gmail.com">vthminhtam@gmail.com</a>
3	Bùi Thị Đậu	P. Hiệu trưởng	0385675558	buidau1999@gmail.com
4	Trương Thị Tinh	Tổ trưởng tổ c/m 1	0979704018	truongthitinh1978@gmail.com
5	Nguyễn T. Thanh Thúy	Tổ trưởng tổ c/m 2	0916176664	thuynguyen791223@gail.com
6	Hà Thị Dung	Tổ trưởng tổ c/m 3	0947022283	
7	Phan Thị Mơ	Tổ trưởng tổ c/m 4	0978293259	phanmo06@gmail.com
8	Phạm Thị Thu Thủy	Tổ trưởng tổ c/m 5	0946152379	thuthuy.pham2016@gmail.com
9	Khuất T. Thuý Phương	Giáo viên	0386057489	khuatthuypuong34@gmail.com
10	Cao Thị Vân Anh	Giáo viên	0945133351	
11	Nguyễn Thị Cơ	Giáo viên	0911816346	nhathangtyty@gmail.com
12	Lê Thị Thục Dinh	NV Kế toán	0972807308	
13	Phạm Thị Thu Hà	Giáo viên	0948200788	hattp1980@gmail.com
14	Phan Thị Nhật Hạng	Giáo viên	0945519419	
15	Trần Mỹ Hạnh	Giáo viên	0388319092	
16	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo viên	0978563789	thuhien08021981@gmail.com
17	Phạm Thị Như Hoa	Giáo viên	0388445599	nhuhoa7579@gmail.com
18	Bạch Thị Hoàn	Giáo viên	0377035976	
19	Nguyễn Thị Hợp	Giáo viên	0937958736	
20	Bùi Thị Minh Hương	Giáo viên	0942991518	
21	Nguyễn T. Lê Hương	Giáo viên	0913816335	
22	Trần Thị Kim	Giáo viên	0918588665	
23	Trương Thị Linh	Giáo viên	0979676592	
24	Nguyễn Thị Loan	Giáo viên	0916944257	
25	Hoàng Thị Thoan	Giáo viên	0905877042	quynhchau2301@gmail.com
26	Lê Thị Hương	Giáo viên	0905680986	lehuong17041976@gmai.com
27	Phạm Thanh Hoàng	Giáo viên	0813535329	quynhchau2301@gmail.com
28	Mai Thị Lượng	Giáo viên	0987482654	maithiluong0209@gmail.com
29	Lê Thị Lan	Giáo viên	0397671799	Besocola195@gmail.com
30	Lê Thị Mai	Giáo viên	0945813784	
31	Nguyễn Thị Thúy Nga	Giáo viên	0911820543	Besocola195@gmail.com
32	Nguyễn T. Tuyết Nhung	Giáo viên	0944198468	
33	Hoàng Thị Lý	Giáo viên	0911801340	Besocola195@gmail.com
34	Lê Thị Sinh Phương	Giáo viên	0383769077	phongsinhle83@gmal.com
35	Võ Thị Hồng Thủy	Giáo viên	0905504344	Vhongthuy@gmail.com
36	Hàn Thị Oanh	Giáo viên	0367001963	Besocola195@gmail.com
37	Cao Thị Phương Thảo	Nhân viên TV	0989769934	
38	Phạm Thị Thảo	Giáo viên	0944929651	
39	Nguyễn Thị Thơ	Giáo viên	0852663536	Besocola195@gmail.com
40	Cao Thị Giáng Thu	Giáo viên	0943384271	
41	Nguyễn Thị Thủy	Giáo viên	0395926969	
42	Lý Thị Xuân Trang	Giáo viên	0982871399	
43	Lê Đình Tuấn	Giáo viên	0915447378	

44	Kbuôr H Tuyết	Giáo viên	0848573435	
45	Thái Thị Hồng Vân	Giáo viên	0372953689	vanthai0511@gmail.com
46	Nguyễn Thị Lai	Giáo viên	0917682559	ntlai1002@gmail.com
47	Lê Văn Ân	Giáo viên	0905721468	
48	Nguyễn Thị Vân	Giáo viên	0913462650	
49	Nguyễn Thị Vân (Mt)	Giáo viên	0942436767	quynhchau2301@gmail.com
50	Vũ Thị Vi	Giáo viên	0948970841	
51	Nguyễn Thị Thúy Vi	Giáo viên	0986235275	
52	Trần Thị Hải Yên	Giáo viên	0983830179	
53	Bùi Thị Thu Thủy	Giáo viên	0943739091	
54	Lê Thị Thu Trang	Giáo viên	0947830707	
55	Nguyễn Hải Trà Đông	Giáo viên	0911798004	
56	Lê Ngọc Cư	Nhân viên bảo vệ	0912405081	

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Kế hoạch Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (có văn bản kèm theo).

**Điều 5. Thu, chi tài chính** (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2024

*ĐV tính: đồng*

**a) Dự toán năm 2024**

Dự toán năm 2024		11.315.792.000
Nguồn kinh phí tự chủ	Chi lương và các khoản thuộc lương.	9.627.447.000
	Chi thường xuyên gồm lương HĐ 111; chế độ khuyết tật, thẻ dực, mua sắm, sửa chữa, hoạt động chuyên môn...	1.597.345.000
Nguồn kinh phí không tự chủ	Mua sắm thiết bị lớp 4 CT GDPT	91.000.000

**b) Quyết toán năm 2024**

Dự toán giao cả năm 2024		13.108.662.000
Số dư kinh phí năm 2023 chuyển sang		15.114.650
Kinh phí bổ sung trong năm		1.792.870.000
Nguồn kinh phí tự chủ	Chi lương và các khoản thuộc lương.	9.429.927.000
	Chi thường xuyên gồm lương HĐ 111; chế độ khuyết tật, thẻ dực, mua sắm, sửa chữa, hoạt động chuyên môn...	1.597.345.000
Nguồn kinh phí không tự chủ	Mua sắm thiết bị lớp 4 CT GDPT	91.000.000





7	Nhân viên công nghệ thông tin												
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật												
9	Nhân viên bảo vệ	01						01					

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số phòng học/ số lớp</b>	37/32	m <sup>2</sup> / học sinh	
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-	
1	Phòng học kiên cố	16	-	
2	Phòng học bán kiên cố	21	-	
3	Phòng học tạm		-	
4	Phòng học nhờ, mượn		-	
<b>III</b>	<b>Số điểm trường lẻ</b>	-	-	
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	9224,4	7,6	
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	4.000	3,3	
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	2000		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	48	1,2	
2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	50		
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m <sup>2</sup> )			
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m <sup>2</sup> )			
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m <sup>2</sup> )			
6	Diện tích phòng học tin học (m <sup>2</sup> )	50		
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m <sup>2</sup> )	50		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m <sup>2</sup> )			
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m <sup>2</sup> )			
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định (bộ)	20		
1.1	Khối lớp 1	07	7/6	
1.2	Khối lớp 2	06	6/6	
1.3	Khối lớp 3	07	7/7	
1.4	Khối lớp 4	06	6/6	
1.5	Khối lớp 5	06	6/6	

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định (bộ)	08		
2.1	Khối lớp 1 (bộ)	01	1/6	
2.2	Khối lớp 2 (bộ)	01	1/6	
2.3	Khối lớp 3 (bộ)	01	1/7	
2.4	Khối lớp 4 (bộ)	01	2/4	
2.5	Khối lớp 5 (bộ)	01	2/4	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	40		
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>			
1	Ti vi	37		Bị hỏng 4 cái
2	Cát xét			
3	Đầu Video/ đầu đĩa			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01		
5	Đàn Organ	02		
6	Thiết bị khác...			

- Khác

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	60
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	0

- Khác

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0		
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0		

- Khác

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	01		02		108 m
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## - Lớp 1:

TT	Tên sách/ Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1 (KNTT)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1 (KNTT)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Mỹ Thuật 1 (CTST)	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yến Như.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	HĐTN 1 (KNTT)	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Đạo Đức 1 (KNTT)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	TNXH 1 (KNTT)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	GDTC 1 (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm Nhạc 1 (KNTT)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Anh Văn 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

## - Lớp 2:

TT	Tên sách/ Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2 (KNTT)	Bùi Mạnh Hùng - Tổng Chủ biên; Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương - Đồng CB	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2 (KNTT)	Hà Huy Khoái - Tổng Chủ biên Lê Anh Vinh - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Mỹ Thuật (CTST-B1)	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung - đồng Tổng Chủ biên; Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
4	HĐTN 2 (KNTT)	Lưu Thị Thủy, Bùi Sỹ Tụng - đồng Tổng Chủ biên; Nguyễn Thụy Anh - Nguyễn Thanh Bình - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo Đức 2 (KNTT)	Nguyễn Thị Toan - Tổng Chủ biên Trần Thành Nam - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam

6	TNXH 2 (KNTT)	Vũ Văn Hùng - Tổng Chủ biên Nguyễn Thị Thán - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
7	GDTC 2 (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn - Tổng Chủ biên; Lê Anh Thơ - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Âm Nhạc 2 (KNTT)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính - đồng Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Anh Văn 2	Hoàng Văn Vân- Tổng chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam

- Lớp 3:

TT	Tên sách/ Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3 (KNTT)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3 (KNTT)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Mỹ Thuật 3 (CTST-B1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	HĐTN 3 (KNTT)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo Đức 3 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	TNXH 3 (KNTT)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	NXB Giáo dục Việt Nam
7	GDTC 3 (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Âm Nhạc 3 (KNTT)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 3 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
10	Công nghệ 3 (KNTT)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 3 (KNTT)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền,	

		Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	
--	--	---	--

## - Lớp 4:

Stt	Tên sách/ bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
1	Toán 4 (KNTT)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Đạo đức 4 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
3	Lịch sử - Địa lí (KNTT)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học 4 (KNTT)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 4 (KNTT)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bách Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ (KNTT)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc (KNTT)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật (CTST-Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 4 (KNTT)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 4 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

12	Tiếng Việt 4 (KNTT)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phương, Đặng Thị Hảo Tâm	

## - Lớp 5:

TT	Môn học/ tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phương	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hòa Tâm.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
2	Toán 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 5 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Địa lý và lịch sử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
6	Tin học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

8	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 5 (Chân trời sáng tạo - Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

### 3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá (có văn bản kèm theo);

#### 1. Kết quả đánh giá

##### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	✓
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓

Tiêu chí 1.10		X	X	✓
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1		X	X	✓
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

**Kết quả:** Đạt Mức 2

#### 1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

\* Kết luận tự đánh giá: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Quyết định số 408/QĐ-SGDĐT ngày 04/8/2020 của sở giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc công nhận trường tiểu học Quang Trung, phường Buôn Hồ đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2;

- Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 18/10/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp Bằng công nhận trường tiểu học Quang Trung, phường Buôn Hồ đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

### **Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông**

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan; (văn bản kèm theo)

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục; (văn bản kèm theo)

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; (văn bản kèm theo)

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; (văn bản kèm theo)

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có): không

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026:

+ Chỉ tiêu giao: 220 học sinh

+ Đã tuyển: 241 HS

+ Vượt chỉ tiêu so với chỉ tiêu giao: 21

+ Lý do tuyển thừa: học sinh tuyển sinh trái tuyến của 1 số xã phường lân cận.

- Tổng số học sinh chia theo từng khối:

+ Khối lớp 1: 258; bình quân học sinh/ lớp: 37;

+ Khối lớp 2: 238; bình quân học sinh/ lớp: 39,6;

+ Khối lớp 3: 231; bình quân học sinh/ lớp: 38,5;

+ Khối lớp 4: 266; bình quân học sinh/ lớp: 38;

+ Khối lớp 5: 235; bình quân học sinh/ lớp: 39,2.

- Tổng số học sinh học 2 buổi/ ngày: 1229/ 1229; tỷ lệ: 100%.

- Tổng số học sinh: 1229. Trong đó:
- + Số học sinh nữ: 585; tỷ lệ: 47,6%;
- + Số học sinh dân tộc thiểu số: 27; tỷ lệ: 2,2%;
- + Số học sinh khuyết tật: 3. tỷ lệ: 0,24%;
- + Số học sinh chuyển đi: 15; tỷ lệ: 1,2%;
- + Số học sinh chuyển đến: 35; tỷ lệ: 2,8%;

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp (văn bản kèm theo).

- Số học sinh hoàn thành Chương trình lớp học: 958/975; tỷ lệ: 98,3%;
- Số học sinh không hoàn thành Chương trình lớp học: 17/ 975, tỷ lệ: 1,7%.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học: 234/234; tỷ lệ: 100%

*Buôn Hồ, ngày 15 tháng 9 năm 2025*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hồ Sĩ Quý**